

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2016
2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

SỐ TỰ PHÁP TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số:.....
ĐẾN Ngày: 26/8.../2016
Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

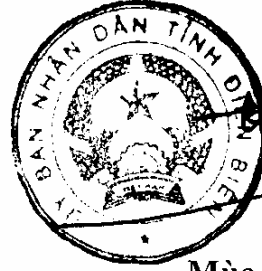
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27/8/2016 và áp dụng từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020 - 2021. Bãi bỏ các quy định trước đây về miễn, giảm học phí và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, LĐVP, TH^(HTT,NTA), KT^(LTA), KGVX^(VVD, HVQ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

QUY ĐỊNH

**Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2016 - 2017
đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2006/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND
tỉnh Điện Biên)

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Trẻ em học mầm non, học sinh, sinh viên đang theo học tại cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nguyên tắc xác định học phí

1. Mức học phí phải phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và chỉ số giá tiêu dùng hàng năm.

2. Mức học phí được xác định theo từng cấp học: Mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và từng ngành nghề đào tạo đối với giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở cân đối giữa sự hỗ trợ của Nhà nước và đóng góp của người học, đảm bảo nguyên tắc giảm dần sự bao cấp của Nhà nước.

3. Mức học phí được xác định theo địa bàn cư trú của gia đình học sinh (khu vực I, II, III) là cơ sở để thực hiện thu và ngân sách nhà nước cấp kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho các cơ sở giáo dục. Danh sách xã thuộc khu vực I, II, III quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2014-2015; Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 29 tháng 2 năm 2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc điều chỉnh xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi và các Quyết định thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 3. Mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2006/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Mức học phí năm học 2016-2017

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh

STT	Cấp học	Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) cư trú tại các xã thuộc khu vực I	Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) cư trú tại các xã thuộc khu vực II	Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) cư trú tại các xã thuộc khu vực III
1	Mầm non	40	30	25

STT	Cấp học	Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) cư trú tại các xã thuộc khu vực I	Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) cư trú tại các xã thuộc khu vực II	Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) cư trú tại các xã thuộc khu vực III
2	Trung học cơ sở, bổ túc trung học cơ sở	25	15	10
3	Trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông	35	25	15

2. Mức học phí từ năm học 2017- 2018 đến năm học 2020-2021 sẽ điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hằng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

Điều 4. Mức học phí đối với giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2006/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên

Nhóm ngành nghề	Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	470	540	520	590	570	650	620	710	690	780
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	550	630	610	700	670	770	740	850	820	940
3. Y dược	680	780	750	860	830	940	910	1.040	1.000	1.140

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Quy định này được thực hiện từ năm học 2016-2017 và thay thế Quy định tại Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Điện

Biên, Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tạm thời mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập năm học 2015 - 2016 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Ngoài quy định nêu trên, các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Mùa A Sơn